

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ NĂM 2025

I. Thông tin chung (tính đến thời điểm xây dựng kế hoạch tuyển sinh)

1. Tên cơ sở đào tạo: *Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng.*

2. Mã trường: *DDS.*

3. Địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và phân hiệu): *số 459 Tôn Đức Thắng, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.*

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo: *<http://ued.udn.vn> hoặc <https://tuyensinh.ued.udn.vn/>.*

5. Địa chỉ các trang mạng xã hội của cơ sở đào tạo: *<https://www.facebook.com/ueddn>.*

6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: *02363.789976 - 0898.204.204.*

7. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất: *Xét tuyển.*

8. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo

Đường link công khai danh mục ngành được phép đào tạo trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <https://tuyensinh.ued.udn.vn/>

Danh mục ngành được phép đào tạo xem tại **Phụ lục I**

9. Điều kiện bảo đảm chất lượng

9.1. Quy mô đào tạo hình thức chính quy đến ngày 31/12/2024 (Người học)

STT	Lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Quy mô đào tạo
1.1	<i>Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên</i>			22
1.1.1	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn	9140111	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	6
1.1.2	Quản lý giáo dục	9140114	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn	16
1.2	<i>Khoa học sự sống</i>			4
1.2.1	Sinh học	9420101	Khoa học sự sống	4
1.3	<i>Khoa học tự nhiên</i>			1
1.3.1	Hóa hữu cơ	9440114	Khoa học tự nhiên	1

STT	Lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Quy mô đào tạo
1.4	Toán và thống kê			4
1.4.1	Đại số và lí thuyết số	9460104	Toán và thống kê	4
1.5	Máy tính và công nghệ thông tin			2
1.5.1	Hệ thống thông tin	9480104	Máy tính và công nghệ thông tin	2
1.6	Nhân văn			15
1.6.1	Văn học Việt Nam	9220121	Nhân văn	1
1.6.2	Ngôn ngữ học	9229020	Nhân văn	12
1.6.3	Lịch sử	9229013	Nhân văn	2

9.2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

- Tổng diện tích đất của trường (ha): 47585,0 m²

- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên (nếu có): 146 phòng, 7.280 m²

- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy: 3,15m²/sinh viên.

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	148	19174
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	01	1162
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	14	3739
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	51	7839
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	37	2028
1.5	Số phòng học đa phương tiện	06	560
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	39	3846
2	Thư viện, trung tâm học liệu	01	1330

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	40	4186
	TỔNG		24,690

9.3. *Danh sách giảng viên cơ hữu đủ điều kiện hướng dẫn nghiên cứu sinh:*
Xem tại Phụ lục II.

10. Đường link công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng trên trang thông tin điện tử của Trường: <https://ued.udn.vn/cong-khai/cong-khai-hang-nam/>

11. Đường link công khai Đề án tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <https://tuyensinh.ued.udn.vn/>.

12. Đường link công khai Quy chế tuyển sinh của cơ sở đào tạo trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <https://tuyensinh.ued.udn.vn/>.

II. Thông tin tuyển sinh

1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh

1.1. Yêu cầu chung đối với người dự tuyển

a) Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học hạng giỏi trở lên ngành phù hợp, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ;

b) Đáp ứng yêu cầu đầu vào theo chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) ban hành và của chương trình đào tạo tiến sĩ đăng ký dự tuyển;

c) Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc là tác giả, đồng tác giả của bài báo, báo cáo khoa học đã công bố trên các tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành (có phản biện) liên quan đến lĩnh vực thuộc ngành đăng ký dự tuyển; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ;

d) Có dự thảo đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa (theo mẫu tại **Phụ lục III**).

1.2. Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại **Phụ lục IV** của Đề án này còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ GDĐT công bố còn hiệu lực trong vòng 2 năm tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

1.3. Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học, thạc sĩ hoặc tiến sĩ mà chương trình đào tạo được giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Việt.

2. Phương thức tuyển sinh và hình thức xét tuyển

2.1. Phương thức tuyển sinh

Xét tuyển, thông qua hình thức đánh giá hồ sơ đăng ký xét tuyển và báo cáo đề cương nghiên cứu để đánh giá năng lực học tập, nghiên cứu của thí sinh.

2.2. Hình thức xét tuyển

- Trực tiếp, trực tuyến hoặc kết hợp;
- Hình thức tuyển sinh trực tuyến và kết hợp được tổ chức khi đáp ứng những điều kiện đảm bảo chất lượng như đối với tuyển sinh trực tiếp.
- Việc tuyển sinh trình độ tiến sĩ của Trường được tổ chức nhiều lần trong năm và do Hiệu trưởng quyết định.
- Sau khi NCS trúng tuyển và nhập học, Trường sẽ tiến hành hậu kiểm tuyển sinh trình độ tiến sĩ theo quy định.

3. Thời gian và hình thức đào tạo

- Thời gian đào tạo tiêu chuẩn của trình độ tiến sĩ của Trường từ 03 năm (36 tháng) đến 04 năm (48 tháng).
- Mỗi nghiên cứu sinh có một kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa nằm trong khung thời gian đào tạo tiêu chuẩn phê duyệt kèm theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh theo mẫu quy định tại **Phụ lục III**.
- Đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện theo hình thức chính quy; nghiên cứu sinh phải dành đủ thời học tập, nghiên cứu tại cơ sở đào tạo theo kế hoạch đã được phê duyệt; trong đó khi đăng ký đủ 30 tín chỉ trong một năm học được xác định là tập trung toàn thời gian.

4. Chỉ tiêu tuyển sinh

STT	Ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu	Ghi chú
1	Quản lý giáo dục	9140114	7	
2	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn	9140111	4	
3	Hóa hữu cơ	9440114	2	
4	Sinh học	9420101	4	
5	Hệ thống thông tin	9480104	2	
6	Toán học	9460101	4	
7	Đại số và lý thuyết số	9460104	3	
8	Ngôn ngữ học	9229020	5	
9	Lịch sử Việt Nam	9229013	5	
	Tổng cộng		36	

5. Điều kiện và năng lực nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo

Các hướng nghiên cứu, các đề tài nghiên cứu đã và đang triển khai tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng liên quan đến các ngành đăng ký tuyển sinh năm 2025 xem tại **Phụ lục V**.

Danh mục hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu cần nhận NCS: xem tại **Phụ lục VI**.

6. Tổ chức tuyển sinh

- Thời gian xét tuyển: Tháng 4, 6, 9 và 11.
- Số đợt xét tuyển: 4 đợt/năm.

7. Lệ phí xét tuyển

- Lệ phí xét tuyển: 3.000.000đ/hồ sơ.
- Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 535/QĐ-ĐHSP ngày 17/3/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - ĐHĐN về việc quy định mức thu và hình thức thu các loại phí cho hoạt động tuyển sinh năm 2025.

8. Học phí dự kiến, lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có).

- Thực hiện theo Thông báo số 2059/TB-ĐHSP ngày 03/12/2024 của Trường Đại học Sư phạm - ĐHĐN quy định mức thu học phí chương trình đào tạo trình độ sau đại học, học kỳ II năm học 2024-2025.

- Học phí học kỳ II năm học 2024-2025, cụ thể như sau:

+ Khối ngành I (*Quản lý giáo dục, Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn*): 17.625.000đ/học kỳ/nghiên cứu sinh.

+ Khối ngành IV (*Hoá hữu cơ, Sinh học*) : 19.000.000đ/học kỳ/ nghiên cứu sinh.

+ Khối ngành V (*Đại số và lý thuyết số, Toán học, Hệ thống thông tin*): 20.500.000đ/học kỳ/nghiên cứu sinh.

+ Khối ngành VII (*Ngôn ngữ học, Lịch sử Việt Nam*): 18.750.000đ/học kỳ/nghiên cứu sinh.

- Lộ trình tăng học phí thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trường Đại học Sư phạm – ĐHQGHN.

9. Danh mục ngành phù hợp với ngành đăng ký tuyển sinh, danh mục các môn học bổ sung

Xem tại **Phụ lục VII**.

Cán bộ kê khai

Ngày 14 tháng 5 năm 2025

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

(đã ký)

TS. Phan Đức Tuấn

PHỤ LỤC I

DANH MỤC NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM - ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ ban hành hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>	<i>(6)</i>	<i>(7)</i>	<i>(8)</i>	<i>(9)</i>	<i>(10)</i>
1	Hóa hữu cơ	9440114	130/QĐ-BGDDT	09/01/2008			Bộ Giáo dục và Đào tạo	2008	2024
2	Lịch sử Việt Nam	9229013	4298/QĐ-ĐHĐN	17/12/2021			Đại học Đà Nẵng	2021	2024
3	Sinh học	9420101	4299/QĐ-ĐHĐN	17/12/2021			Đại học Đà Nẵng	2021	2024
4	Quản lý giáo dục	9140114	1163/QĐ-ĐHĐN	12/04/2018			Đại học Đà Nẵng	2018	2024
5	Hệ thống thông tin	9480104	2801/QĐ-ĐHĐN	25/08/2017			Đại học Đà Nẵng	2017	2024
6	Đại số và lý thuyết số	9460104	198/QĐ-ĐHĐN	21/01/2019			Đại học Đà Nẵng	2019	2024
7	Toán học	9460101	5565/QĐ-ĐHĐN	27/12/2023			Đại học Đà Nẵng	2024	2024
8	Ngôn ngữ học	9229020	1823/QĐ-BGDDT	31/05/2016			Bộ Giáo dục và Đào tạo	2016	2024

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ ban hành hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
9	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Vật lý)	9140111	836/QĐ-ĐHĐN	10/03/2020			Đại học Đà Nẵng	2020	2024

PHỤ LỤC II
DANH SÁCH GIẢNG VIÊN CƠ HỮU ĐỦ ĐIỀU KIỆN HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU SINH

TT	Ngành đào tạo	Họ và tên		Chức danh khoa học		Trình độ	Chuyên môn được đào tạo
				GS	PGS	TS	
1	Quản lý giáo dục	Bùi Việt	Phú			x	Giáo dục học
2		Nguyễn Quang	Giao		x		Quản lý giáo dục
3		Lê Quang	Sơn	x			Tâm lý học
4		Nguyễn Thị Trâm	Anh		x		Tâm lý học
5		Trần Xuân	Bách		x		Quản lý giáo dục
6		Vũ Đình	Chuân			x	Quản lý giáo dục
7	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn (chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Vật lý)	Nguyễn Bảo Hoàng	Thanh		x		Lý luận và PPDH bộ môn Vật lý
8		Phùng Việt	Hải			x	Lý luận và PPDH bộ môn Vật lý
9		Lê Thanh	Huy			x	Lý luận và PPDH bộ môn Vật lý
10		Nguyễn Văn	Hiếu		x		Vật lý lý thuyết
11		Trần	Quỳnh			x	Lý luận và PPDH bộ môn Vật lý
12		Dụng Văn	Lữ			x	Vật lý lý thuyết
13		Lê Thị Minh	Phương			x	Lý luận và PPDH bộ môn Vật lý
14	Hóa hữu cơ	Lê Tự	Hải		x		Công nghệ điện hóa
15		Vũ Thị	Duyên			x	Điện hóa
16		Nguyễn Trần	Nguyên			x	Hóa hữu cơ

17		Giang Thị Kim	Liên		x		Hóa hữu cơ
18		Võ Thắng	Nguyên		x		Hóa học
19		Trần Đức	Mạnh			x	Hóa hữu cơ
20		Đỗ Thị Thuý	Vân			x	Hóa hữu cơ
21	Sinh học	Võ Văn	Minh		x		Khoa học môi trường
22		Nguyễn Minh	Lý		x		Nông nghiệp
23		Trịnh Đăng	Mậu		x		Sinh học
24		Trần Quang	Dần			x	Sản xuất nguồn tài nguyên thực vật
25		Đoạn Chí	Cường			x	Nông nghiệp
26		Phạm Thị	Mỹ			x	Công nghệ sinh học
27		Võ Châu	Tuấn			x	Sinh lý học thực vật
28		Bùi Thị	Thơ			x	Khoa học Y
29	Hệ thống thông tin	Vũ Thị	Trà			x	Khoa học máy tính
30		Võ Trung	Hùng		x		Công nghệ thông tin
31		Nguyễn Đình	Lầu			x	Khoa học máy tính
32		Nguyễn Trần Quốc	Vinh			x	Công nghệ thông tin
33		Nguyễn Thị Ngọc	Anh			x	Khoa học máy tính
34		Nguyễn Hoàng	Hải			x	Khoa học máy tính
35		Trần Văn	Hưng			x	Lý luận và PPDH kỹ thuật
36		Nguyễn Thanh	Hưng		x		Lý luận và PPDH Toán
37	Toán học	Hoàng Nhật	Quy			x	Toán giải tích

38		Lê Văn	Dũng		x		Lý thuyết xác suất và thống kê toán học
39		Lương Quốc	Tuyền			x	Toán giải tích
40		Phan Đức	Tuấn			x	Toán giải tích
41		Phạm Quý	Mười		x		Toán giải tích
42		Chử Văn	Tiếp			x	Toán học
43		Trần Văn	Sự			x	Toán học
44		Lê Hải	Trung			x	Toán học mô hình
45	Đại số và lí thuyết số	Trương Công	Quỳnh		x		Đại số và LTS
46		Nguyễn Đại	Dương			x	Đại số và LTS
47		Trần Nam	Sinh			x	Đại số và LTS
48		Nguyễn Chánh	Tú		x		Đại số và LTS
49		Tôn Thất	Tú			x	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học
50	Ngôn ngữ học	Trần Văn	Sáng		x		Ngôn ngữ học
51		Nguyễn Thị Thanh	Ngân			x	Ngôn ngữ học
52		Bùi Trọng	Ngoãn		x		Ngôn ngữ học
53		Lê Đức	Luận		x		Ngôn ngữ học
54		Hồ Trần Ngọc	Oanh			x	Lý luận và PPDH Văn và tiếng Việt
55		Nguyễn Hoàng	Phương			x	Ngôn ngữ học
56		Trần Thị Ánh	Nguyệt			x	Lý luận văn học
57	Lịch sử Việt Nam	Lưu	Trang		x		Lịch sử Việt Nam
58		Nguyễn Duy	Phương			x	Lịch sử Việt Nam

59		Trương Anh	Thuận		x		Lịch sử
60		Nguyễn Minh	Phương			x	Lịch sử Việt Nam
61		Lê Thị	Mai			x	Lịch sử
62		Nguyễn Văn	Sang		x		Lịch sử
63		Lê Thị Thu	Hiền			x	Văn hoá học

PHỤ LỤC III

KẾ HOẠCH HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU TOÀN KHÓA CỦA NGHIÊN CỨU SINH

Cơ sở đào tạo:

Họ và tên nghiên cứu sinh:

Tên đề tài:

Ngành đào tạo:

Mã ngành đào tạo:

Năm học	Nội dung học tập, nghiên cứu	Khối lượng học tập, nghiên cứu đăng ký	Kết quả dự kiến
Năm thứ 1	<i>Các học phần về chuyên môn bổ sung (nếu có)</i>	<i>10 - 12 tín chỉ</i>	<i>Chứng nhận kết thúc học phần</i>
	<i>Các học phần về phương pháp nghiên cứu</i>	<i>04 -06 tín chỉ</i>	<i>Chứng nhận kết thúc học phần</i>
Năm thứ 2	<i>Thực hiện phần 1 của Luận án</i>	<i>đến 24 tín chỉ</i>	<i>Chương Tổng quan về vấn đề nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu,...</i>
Năm thứ 3	<i>Thực hiện phần 2 của Luận án</i>	<i>đến 30 tín chỉ</i>	<i>Luận án và các bài công bố,...</i>
Năm thứ 4	<i>Thực hiện phần 3 của Luận án</i>	<i>Số tín chỉ còn lại của chương trình 04 năm</i>	<i>Luận án và các bài công bố,...</i>

Lưu ý: phần in nghiêng là ví dụ về các nội dung trong kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa. Kế hoạch cụ thể của nghiên cứu sinh được xây dựng căn cứ vào quy định của Trường về chương trình đào tạo tiến sĩ đã công bố.

PHỤ LỤC IV
DANH SÁCH MỘT SỐ CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI MINH CHỨNG
CHO TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ CỦA NGƯỜI DỰ TUYỂN

Stt	Ngôn ngữ	Bằng/Chứng chỉ/Chứng nhận	Trình độ/Thang điểm
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	Từ 46 trở lên
		IELTS	Từ 5.5 trở lên
		Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: từ 160 trở lên
		Aptis ESOL	B2 (chỉ chấp nhận các chứng chỉ được cấp sau ngày 31/3/2023)
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF từ 400 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 trở lên
		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên
4	Tiếng Trung Quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4 trở lên
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N3 trở lên
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКН-2 trở lên
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên

Lưu ý: Các chứng chỉ khác không nằm trong danh mục này được Bộ GDĐT công bố sử dụng trong tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ, Trường sẽ xem xét nếu thí sinh cung cấp đầy đủ minh chứng hợp lệ.

PHỤ LỤC V
CÁC HƯỚNG NGHIÊN CỨU, CÁC ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU ĐÃ VÀ ĐANG
TRIỂN KHAI TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM – ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
LIÊN QUAN ĐẾN NGÀNH TUYỂN SINH NĂM 2025

STT	Tên đề tài	Mã số	Người thực hiện	Năm thực hiện
Quản lý giáo dục				
1	Phát triển chương trình bồi dưỡng cán bộ quản lý trường Mầm non đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng	T2014-ĐN-01.13	PGS.TS. Trần Xuân Bách	2014-2015
2	Xây dựng chương trình rèn luyện kỹ năng sư phạm cho sinh viên ngành giáo dục mầm non đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non	B2016-DNA-05-TT	TS. Bùi Việt Phú	2016-2017
3	Nghiên cứu thực trạng và nhu cầu bồi dưỡng đội ngũ giảng viên sư phạm của Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng	T2017-Etep-03-04	PGS.TS. Trần Xuân Bách	2017-2018
4	Xây dựng chương trình giáo dục phòng ngừa xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	Sở KH&CN TP ĐN	PGS.TS. Nguyễn Thị Trâm Anh	2017-2018
5	Giải pháp nâng cao vị thứ xếp hạng của Đại học Đà Nẵng trên các bảng xếp hạng trường đại học của khu vực và quốc tế	B.2017 - ĐN01 - 06	PGS.TS. Nguyễn Quang Giao	2018-2019
6	Xây dựng chương trình giáo dục sức khỏe tâm thần cho học sinh các trường THCS trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng	B2018-ĐN03-21	PGS.TS. Nguyễn Thị Trâm Anh	2018-2020
7	Giải pháp tăng cường khả năng tiếp cận giáo dục đại học của học sinh hiện nay (nghiên cứu trường hợp tại thành phố Đà	B2018-ĐN03-25	TS. Hà Văn Hoàng	2018-2020

STT	Tên đề tài	Mã số	Người thực hiện	Năm thực hiện
	Năng)			
8	Nghiên cứu giải pháp bồi dưỡng kỹ năng tư vấn tâm lý cho giáo viên chủ nhiệm tại các trường THCS trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Tỉnh Kiên Giang	GS.TS. Lê Quang Sơn	2018-2020
9	Giải pháp quản lý hoạt động truyền thông tuyển sinh đại học của Đại học Đà Nẵng	B2019-DN03-32	PGS.TS. Trần Xuân Bách	2019-2021
10	Xây dựng chương trình giáo dục phòng chống bắt nạt học đường cho học sinh thành phố Đà Nẵng	Sở KH&CN TP ĐN	TS. Hoàng Thế Hải	2022-2024
11	Phát triển năng lực tư vấn và hỗ trợ học sinh trong hoạt động giáo dục cho giáo viên Tiểu học đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình giáo dục phổ thông năm 2018	B2021-DNA-07.	TS. Lê Thị Duyên	2021-2023
Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn (chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Vật lý)				
1	Nghiên cứu mô hình Rabi và tính chất điện tử của vật liệu hai chiều	B2019-DN03-43	TS. Duyệt Văn Lữ	2020-2022
2	Phát triển năng lực hợp tác cho học sinh thông qua vận dụng dạy học dự án phần cơ học Vật lý lớp 10	T2021-KN-15	TS. Trần Quỳnh	2021-2022
3	Ứng dụng điện toán lượng tử trong công nghệ số	T2022-TN-09	TS. Duyệt Văn Lữ	2022-2023
4	Nghiên cứu tính chất điện tử và quang tử của vật liệu hai chiều và vật liệu có cấu trúc xếp lớp van der Waals	B2022-DNA-14	PGS. TS. Nguyễn Văn Hiếu	2022-2023
5	Tăng cường phát xạ thông qua truyền năng lượng giữa các ion đất hiếm trong thủy tinh OXYFLUORBOROTELLURITE	B2021-DN03-02	TS. Trần Thị Hồng	2021-2023

STT	Tên đề tài	Mã số	Người thực hiện	Năm thực hiện
	dùng trong chiếu sáng trạng thái rắn			
6	Nghiên cứu khả năng ứng dụng của vật liệu mới BaSi ₂ nhằm thay thế vật liệu Si trong chế tạo pin năng lượng mặt trời	B2019-DN03-34	TS. Mai Thị Kiều Liên	2020-2022
7	Xây dựng và sử dụng hệ thống bài tập phát triển năng lực Vật lý phần Điện của học sinh trung học phổ thông	B2019-DN03-39	PGS.TS. Nguyễn Bảo Hoàng Thanh	2019-2021
8	Nghiên cứu phát triển vật liệu dẫn nhiệt bề mặt hiệu năng cao trên cơ sở vật liệu graphene fluoride và boron asenide cho ứng dụng tản nhiệt trong các thiết bị điện tử	B2023.DNA.07	TS. Mai Thị Kiều Liên	2023-2024
9	Nghiên cứu chế tạo vật liệu đa chức năng và một số tính chất vật lý bằng phương pháp thực nghiệm kết hợp mô phỏng phiếm hàm mật độ	B2023.DNA.22	TS. Đinh Thanh Khản	2023-2024
10	Tính chất điện tử và truyền dẫn của các vật liệu hai chiều monochal cogenide và các dị cấu trúc van der Waals dựa trên vật liệu monochal cogenide	B2023.DNA.23	TS. Duyệt Văn Lữ	2023-2024
11	Nghiên cứu hiệu ứng Hall lượng tử trong dây lượng tử hình trụ hồ thế parabol bất đối xứng.	T2023-TN-13	TS. Hoàng Đình Triển	2023-2024
12	Chế tạo hệ vật liệu đa pha điện từ BaRFeO ₄ (R là các nguyên tố đất hiếm) và nghiên cứu ảnh hưởng của bán kính ion R đến tính chất vật lý của hệ	T2023-TN-14	TS. Lê Thị Phương Thảo	15/5/2023-14/5/2024
13	Nghiên cứu các tính chất vật lý của các vật liệu từ đa chức năng	B2024.DNA.05	TS. Lê Thị Phương Thảo	2024-2025
Hóa hữu cơ				

STT	Tên đề tài	Mã số	Người thực hiện	Năm thực hiện
1	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng ứng dụng của TCNQFn	B2019-DN03-35	TS. Trần Đức Mạnh	8/2019-8/2021
2	Nghiên cứu tổng hợp và đánh giá tính xúc tác của vật liệu Co@CuS_x nano que, cấu trúc lõi và NiFeP_x nano tấm trên nền vật liệu 3D bột Niken ứng dụng làm hệ xúc tác hiệu quả cho hệ thống điện phân nước sản xuất hydro.	B2019-DN03-44	TS. Đinh Văn Tạc	3/2020 - 3/2022
3	Nghiên cứu ứng dụng Luân trùng (Rotifera) làm sinh vật chỉ thị chất lượng môi trường nước tại các thủy vực nước ngọt thuộc các tỉnh miền Trung Việt Nam	B2020-DNA-08	TS. Trần Nguyễn Quỳnh Anh	1/2020-1/2022
4	Nghiên cứu công nghệ phát triển màu nhuộm tự nhiên trên vải lụa tơ tằm thay thế cho công nghệ nhuộm màu sử dụng hóa chất	69/HD-SKHCN Cấp tỉnh Quảng Nam	PGS.TS. Lê Tự Hải	01/2020-12/2022
5	Vật liệu composite $\text{TiO}_2 @ \text{Fe}_2\text{O}_3$ cấu trúc xóp lập phương: Tổng hợp và ứng dụng trong xúc tác và điện hóa	B2021-DNA-08	TS. Võ Thắng Nguyên	01/2021-01/2023
6	Nghiên cứu điều chế một số dẫn xuất 2-pyrrolidinone, dẫn xuất pyrrolo [2,3-b] quinoxaline và thử nghiệm hoạt tính kháng khuẩn của chúng	B2021-DNA-17	TS. Nguyễn Trần Nguyên	01/2021-01/2023
7	Nghiên cứu biến tính UiO-66 bằng các kim loại chuyển tiếp và ứng dụng trong phân tích điện hóa	B2022-DNA-16	TS. Trần Đức Mạnh	01/2022-01/2024
8	Nghiên cứu tổng hợp nano bạc, vàng, platin, selen bằng phương pháp hóa học xanh với tác nhân khử dịch chiết một số loài thực vật có hoạt tính sinh học và ứng	B2022-DNA-17	PGS.TS Lê Tự Hải	01/2022-01/2024

STT	Tên đề tài	Mã số	Người thực hiện	Năm thực hiện
	dụng trong lĩnh vực y sinh			
9	Nghiên cứu thành phần hóa học và hoạt tính chống oxy hóa của dây cút quạ <i>Gymnopetalum cochinchinense</i> (Lour.) Kurz	B2024-DNA-	TS. Đỗ Thị Thúy Vân	2024-2025
10	Tổng hợp Polymer dẫn điện PEDOT bằng phương pháp chiếu xạ	T2023-TN-02	TS. Nguyễn Bá Vũ Chính	2024-2025
11	Tổng hợp vật liệu khung hữu cơ kim loại nickel 2-methylimidazole và nghiên cứu tính chất hấp phụ và xúc tác điện phân nước	T2023-TN-03	TS. Vũ Thị Duyên	2023-2024
12	Nghiên cứu chế tạo hệ điện cực xúc tác dựa trên vật liệu nanocomposite định hướng ứng dụng cho quá trình điện phân nước tạo khí hydro và oxy	B2024-DN03-09	TS. Nguyễn Đình Chương	12/2024-5/2027
13	Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến ý định thực hành giải pháp giảm thiểu, tái chế, và tái sử dụng rác thải nhựa của thể hệ Z tại Việt Nam	T2024-PGS-19	TS. Nguyễn Thị Thu Hồng	15/5/2024-14/5/2026
Sinh học				
1	Nghiên cứu khả năng xử lý các hợp chất chứa nitơ, photpho trong nước thải bằng sự kết hợp giữa vi tảo <i>Chlorella vulgaris</i> và vi khuẩn <i>Azospirillum</i> sp. được phân lập từ rễ lúa	B2019-ĐN-03-36 Cấp ĐHĐN	TS. Phạm Thị Mỹ	2019-2021
2	Nghiên cứu đặc tính chịu hạn và mặn của một số cây dược liệu chính phân bố tại các vùng đất cát ven biển duyên hải miền Trung	B2021-DNA-10	TS. Trần Quang Dân	2021-2022
3	Đánh giá tác động của vi nhựa (microplastics) đến hệ sinh thái cửa sông ven biển tại vùng kinh	B2021-DNA-11	PGS.TS Võ Văn Minh	2021-2022

STT	Tên đề tài	Mã số	Người thực hiện	Năm thực hiện
	tế trọng điểm Trung bộ và đề xuất giải pháp kiểm soát thích hợp			
4	Nghiên cứu xây dựng quy trình trồng tảo <i>Haematococcus pluvialis</i> hiệu quả cao trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	35/HĐ-SKHCN	PGS. TS. Trịnh Đăng Mậu	2021-2022
5	Thử nghiệm mô hình nuôi và chế biến sản phẩm vi tảo xoắn <i>Spirulina</i> trên địa bàn huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.	15/HĐ-KHCN Cấp tỉnh Quảng Nam	PGS.TS. Võ Văn Minh	2021-2022
6	Xây dựng mô hình phục hồi rừng; Mô hình phục hồi sinh cảnh loài chà vá chân nâu” thuộc Đề tài độc lập cấp quốc gia “Nghiên cứu bảo tồn, phục hồi đa dạng sinh học các hệ sinh thái trên cạn và dưới nước tại khu bảo tồn thiên nhiên Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng	Cấp Nhà nước	PGS.TS. Võ Văn Minh	2021-2022
7	Nghiên cứu nhân giống và xây dựng mô hình trồng thử nghiệm cây khôi nhung (<i>Ardisia silvestris</i> Pit.) tại Khu bảo tồn thiên nhiên Sơn Trà, TP Đà Nẵng	Cấp tỉnh	TS. Võ Châu Tuấn	2021-2023
8	Đánh giá tác động của vi nhựa (microplastics) đến hệ sinh thái cửa sông ven biển tại vùng kinh tế trọng điểm Trung bộ và đề xuất giải pháp kiểm soát thích hợp	B2021-DNA-11	PGS.TS. Võ Văn Minh	2021-2023
9	Nghiên cứu xây dựng quy trình công nghệ nuôi trồng tảo <i>Haematococcus pluvialis</i> hiệu quả cao trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	272/QĐ-SKHCN	PGS. TS. Trịnh Đăng Mậu	2022-2023
10	Áp dụng công nghệ lai bào tử đơn để chọn tạo chủng giống	393/QĐ-SKHCN	PGS. TS. Nguyễn Minh	2022-2023

STT	Tên đề tài	Mã số	Người thực hiện	Năm thực hiện
	nấm Đông trùng hạ thảo (<i>Cordyceps militaris</i>) cho năng suất và chất lượng cao”		Lý	
11	Nghiên cứu đa dạng lớp chân hàm Maxillopoda Dahl và ứng dụng làm sinh vật chỉ thị chất lượng môi trường tại các thủy vực nước ngọt các tỉnh miền Trung Việt Nam	B2022-DNA-13	TS. Nguyễn Thị Tường Vy	2022-2024
12	Xây dựng công cụ giám sát sức khỏe hệ sinh thái thủy vực TP. Đà Nẵng đảm bảo cho phát triển đô thị sinh thái	Cấp Thành phố 3640/QĐ-UBND	PGS.TS. Võ Văn Minh	2022-2024
13	Nghiên cứu xây dựng hệ thống cảnh báo sớm sinh học (BEWS) dựa trên phân tích hành vi di chuyển của sinh vật phù du sử dụng công nghệ thị giác máy tính	B2023.DNA.20	PGS.TS. Trịnh Đăng Mậu	2023-2024
14	Nghiên cứu đánh giá đa dạng bộ Harpacticoida (lớp Hexanauplia) trong một số dạng thủy vực nước ngầm khu vực miền Trung, Việt Nam và phân lập các loài có khả năng ứng dụng trong việc thử nghiệm độc học môi trường	B2023.DNA.25	TS. Phùng Khánh Chuyên	2023-2024
15	Đánh giá sự tích lũy kim loại nặng trong một số nhóm Zooplankton, nhằm dự báo ô nhiễm kim loại nặng bởi một số nhóm loài thuộc Zooplankton tại một số lưu vực sông thuộc miền Trung Việt Nam	B2023.DNA.16	ThS. Đàm Minh Anh	2023-2024
16	Nghiên cứu tổng hợp và đánh giá hoạt tính sinh học, khả năng ứng dụng của polysaccharide thu được từ quá trình lên men rắn sợi nấm bào ngư trên các phụ phẩm của ngành công	B2024-DNA-	TS. Đoàn Chí Cường	2024-2025

STT	Tên đề tài	Mã số	Người thực hiện	Năm thực hiện
	ngành			
17	Điều tra nguồn lợi thủy sản trên sông tại Đà Nẵng	05/HĐ-SKHCN	TS. Nguyễn Thị Tường Vi	4/2024-10/2026
18	Đánh giá hoạt tính kháng Oxi hóa và Prebiotic của hệ sợi nấm Vân chi (<i>Tranetes versicolor</i>) nuôi cấy dịch thể và ứng dụng chế biến nước uống nấm lên men.	T2024-TN-UD-11	ThS. NCS. Nguyễn Thị Bích Hằng	15/5/2024 đến 14/5/2026
Hệ thống thông tin				
1	Nghiên cứu khôi phục ảnh số với nhiễu phi Gaussian	B2019-DN03-46	TS. Đặng Hùng Vĩ	2019-2021
2	Nghiên cứu ứng dụng học sâu để giải quyết một số bài toán trong kỹ thuật Y - Sinh	T2020-TĐ-03-BS	TS. Nguyễn Trần Quốc Vinh	2020-2022
3	Nghiên cứu thiết kế chip tương tự đầu vào (Analog Fron-End-AFE) đa năng có khả năng tương thích với nhiều loại cảm biến công nghiệp, môi trường và y học.	Đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ năm 2022	TS. Nguyễn Thị Ngọc Anh	2022-2023
4	Khai thác lượng lớn dữ liệu tensor cho ứng dụng chăm sóc sức khỏe trong thần kinh học tính toán: Đại số Grassmann cho giao diện não - máy tính.	Đề tài Nafosted mã số: 1.2.01-2020.27	TS. Nguyễn Thị Ngọc Anh	2020-2022
5	Nghiên cứu xây dựng giải pháp ứng dụng học sâu để nâng cao hiệu năng phát hiện ung thư khoang miệng	B2021-DN03-04	TS. Nguyễn Trần Quốc Vinh	2021-2023
6	Ứng dụng mô hình Hadoop Mapreduce vào bài toán tìm đường đi ngắn nhất	T2023-TN-07	TS. Nguyễn Đình Lâu	2023-2024
7	Giải pháp sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) vào hỗ trợ dạy học cho sinh viên trường đại học	B2024-DN03-11	TS. Trần Văn Hưng	12/2024-11/2025
Toán học và Đại số và lý thuyết số				

STT	Tên đề tài	Mã số	Người thực hiện	Năm thực hiện
1	Tính chất phủ, bao tổng quát và tính nội xạ của các môđun	B2020-DNA	PGS.TS. Trương Công Quỳnh	2020-2022
2	Một số định lý giới hạn trong lý thuyết xác suất và ứng dụng trong thống kê	B2020-DNA-	PGS.TS. Lê Văn Dũng	2020-2022
3	Chỉnh hóa bài toán ngược đối với phương trình elliptic, parabolic và bất đẳng thức biến phân	B2021-DNA-15	PGS.TS. Phạm Quý Mური	2021-2023
4	Chỉ số chính quy của một đại số phân bậc	T2021-KN-16	TS. Trần Nam Sinh	2021-2022
5	Một số kết quả trên các lớp con các hàm đa điều hòa dưới trong lý thuyết đa thể vị	T2020-TĐ-02-BS	TS. Hoàng Nhật Quy	2020-2021
6	Một số vấn đề về vành tọa độ của lược đồ nhóm affine trên vành	T2021-KN-03	TS. Nguyễn Đại Dương	2021-2022
7	Một số kết quả trên các lớp con các hàm đa điều	T2020-TĐ-02-BS	TS. Hoàng Nhật Quy	2020-2021
8	Phương trình đạo hàm riêng đa kích thước	T2020-KN-05	TS. Chử Văn Tiếp	2020-2021
9	Tính bất biến của các môđun và vành liên quan	B2023.DNA.14	PGS.TS. Trương Công Quỳnh	2023-2024
10	Nghiên cứu lựa chọn và khai thác các mô hình thống kê toán học trong phân tích dữ liệu khoa học xã hội.	B2024-CCT-09	TS. Nguyễn Thị Hà Phương	2023-2024
11	Điều kiện chuẩn hóa và các vấn đề liên quan đến một số lớp bài toán tối ưu có ràng buộc	B2023-DN03-08	ThS. Nguyễn Thị Hải Yến	12/2023-5/2026
12	Về điều kiện tối ưu qua dưới vi phân yếu cho bài toán quy hoạch toán học	T2023-KN-24	TS. Trần Văn Sự	2023-2024
13	Tính bất biến của các môđun và	101.04-2023.49	PGS.TS.	01/8/2024-

STT	Tên đề tài	Mã số	Người thực hiện	Năm thực hiện
	vành liên quan		Trương Công Quỳnh	01/8/2026
13	Nghiên cứu lựa chọn và khai thác các mô hình thống kê toán học trong phân tích dữ liệu khoa học xã hội.	B2024-CCT-09	TS. Nguyễn Thị Hà Phương	2024-2026
14	Một số khía cạnh hình học và giải tích của các nhóm vô hạn	B2024-CTT-04	TS. Chử Văn Tiệp	2024-2026
15	Kết nối các tiếp cận khác nhau về xác suất trong dạy học xác suất ở phổ thông	T2024-TN-08	ThS. NCS Nguyễn Thị Sinh	15/5/2024 đến 14/5/2025
16	Bài toán đối ngẫu Wofle đối với bài toán tối ưu giá trị khoảng trên các đa tạp Hadamard	T2024-KN-14	TS. Nguyễn Lê Trâm	15/5/2024 đến 14/5/2025
Ngôn ngữ học				
1	Bình diện ký hiệu học qua một số tác phẩm văn học trong nhà trường phổ thông từ cách tiếp cận liên ngành ngôn ngữ với văn chương	B 2019-DNA-06	PGS.TS. Trần Văn Sáng	2019-2021
2	Nghiên cứu đặc điểm từ ghép tiếng Việt và vận dụng vào dạy học từ ghép tiếng Việt cho học sinh trung học phổ thông	B2020-DN03-49	PGS.TS. Lê Đức Luận	01/2020-01/2022
3	Nâng cao năng lực phát triển chương trình nhà trường của giáo viên Ngữ văn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông	B2020-DN03-48	TS. Hồ Trần Ngọc Oanh	01/2020-01/2022
3	Sự tái sinh của huyền thoại gốc trong tiểu thuyết hiện đại Âu – Mỹ	B2021-DNA-04	TS. Nguyễn Phương Khánh	01/2021-01/2023
4	Diễn trình tư tưởng Nho giáo trong văn học Việt Nam từ thế kỉ XV đến hết thế kỉ XIX	B2021-DNA-06	TS. Nguyễn Quang Huy	01/2021-01/2023
5	Motif “ra đi” trong truyện cổ	T2021-KN-09	TS. Đàm	2021-2022

STT	Tên đề tài	Mã số	Người thực hiện	Năm thực hiện
	Bru - Vân Kiều		Nghĩa Hiếu	
6	Phong tục đầu chiêng của người Cor ở huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi	T2023-TN-09	ThS. Hoàng Thị Mai Sa	15/5/2023-14/5/2024
7	Văn xuôi của các nhà văn nữ Việt Nam sau năm 1975 từ góc nhìn phê bình sinh thái nữ quyền	T2024-TN-07	TS. Trần Thị Ánh Nguyệt	15/5/2024-14/5/2025
8	Xây dựng ngữ liệu trong dạy học đọc hiểu văn bản thông tin cho học sinh lớp 9	T2024-KN-15	ThS. Nguyễn Thanh Tuấn	15/5/2024-14/5/2025
Lịch sử Việt Nam				
1	Xung đột chính trị, tranh chấp lãnh thổ và quyền hàng hải giữa Anh và Hoa Kỳ (1783-1861)	Nasfosted, 601.02-2020.303	TS. Nguyễn Văn Sang	2020-2022
2	Biến đổi kinh tế - văn hóa của cư dân vùng biển Nam Trung Bộ trong giai đoạn đổi mới từ 1986 đến nay	B2020-DNA-13	TS. Lê Thị Thu Hiền	2020-2022
3	Hoạt động ngoại giao của Mỹ với các cường quốc châu Âu trong thời kỳ lập quốc (1783-1825)	B2021-DN03-03	TS. Nguyễn Văn Sang	2021-2023
4	Nghiên cứu giá trị đường đèo Hải Vân, di tích Hải Vân quan và làng Nam Ô phục vụ phát triển du lịch của thành phố Đà Nẵng	QĐ 222/QĐ-SKHCN	TS. Nguyễn Duy Phương	2022-2024
5	Hoạt động bảo vệ hàng hải và chống cướp biển của Mỹ trong thế kỷ XVIII-XIX	B2022-DN03-05	ThS. Nguyễn Duy Quý	12/2022-11/2024
6	Chính sách Dân tộc qua các thời kỳ ở Khu vực Nam Trung bộ	B2022-DN03-06	TS. Nguyễn Thị Thu Trang	2022-2024
7	Hoạt động bảo vệ thương mại và tài nguyên biển dưới triều Nguyễn (1802-1884)	Nafosted 2023	PGS.TS. Lưu Trang	2023-2024

STT	Tên đề tài	Mã số	Người thực hiện	Năm thực hiện
8	Quá trình du nhập và tiếp biến văn hóa phương Tây ở Việt Nam trong các thế kỷ XVI, XVII và XVIII	B2023.DNA.01	TS. Nguyễn Minh Phương	2023-2024
9	Quá trình du nhập văn hóa phương Tây vào Việt Nam và Nhật Bản thế kỉ XVI-XVIII	B2024-DNA-15	PGS.TS. Trương Anh Thuận	2024-2025
10	Nghiên cứu chính sách láng giềng Châu Âu của Liên minh Châu Âu (2004 - 2024)	T2024-KN-18	ThS. Nguyễn Thị Hồng Yến	15/5/2024 -14/5/2025

PHỤ LỤC VI
DANH MỤC HƯỚNG NGHIÊN CỨU, LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU,
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU CẦN NHẬN NCS

STT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu cần nhận NCS	Họ tên, học vị, chức danh KH người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS có thể nhận
QUẢN LÝ GIÁO DỤC			
1	Nghiên cứu chiến lược, chính sách giáo dục	GS.TS. Lê Quang Sơn PGS.TS. Trần Xuân Bách TS. Bùi Việt Phú GS.TS. Nguyễn Hồng Quang TS. Hà Văn Hoàng	5
2	Quy hoạch phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục	GS.TS. Nguyễn Thị Mỹ Lộc PGS.TS. Đặng Quốc Bảo TS. Bùi Việt Phú GS.TS. Thái Văn Thành PGS.TS. Trần Xuân Bách	5
3	Quản lý các nguồn lực trong giáo dục	PGS.TS. Trần Xuân Bách PGS.TS. Đặng Quốc Bảo TS. Bùi Việt Phú PGS.TS. Nguyễn Sỹ Thư GS.TS. Nguyễn Lộc	5
4	Quản lý hoạt động giáo dục và đào tạo ở các bậc học	TS. Bùi Việt Phú PGS.TS. Lê Quang Sơn PGS.TS. Nguyễn Sỹ Thư PGS.TS. Nguyễn Văn Đệ PGS.TS. Nguyễn Thị Trâm Anh TS. Vũ Đình Chuẩn TS. Lê Thị Duyên	5
5	Quản lý chất lượng giáo dục ở các cấp học, bậc học	GS. Nguyễn Đức Chính PGS.TS. Lê Đình Sơn PGS.TS. Nguyễn Quang Giao GS.TS. Nguyễn Lộc	5
6	Quy hoạch và phát triển giáo dục các	PGS.TS. Trần Xuân Bách	5

STT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu cần nhận NCS	Họ tên, học vị, chức danh KH người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS có thể nhận
	cấp học, bậc học, các địa phương	TS. Bùi Việt Phú PGS.TS. Lê Đình Sơn TS. Đỗ Tường Hiệp TS. Vũ Đình Chuẩn PGS.TS. Nguyễn Thị Trâm Anh	
7	Quản lý đổi mới phương pháp dạy học ở các cấp học, bậc học	GS.TS. Lê Quang Sơn PGS.TS. Nguyễn Bảo Hoàng Thanh PGS.TS. Nguyễn Sỹ Thư TS. Đỗ Tường Hiệp PGS. TS. Lê Mỹ Dung TS. Lê Thị Duyên	5
8	Nghiên cứu so sánh trong giáo dục	TS. Bùi Việt Phú GS.TS. Nguyễn Lộc TS. Nguyễn Đức Danh GS.TS. Thái Văn Thành TS. Nguyễn Thị Quý TS. Lê Thị Hiền	5
9	Nghiên cứu hệ thống giáo dục quốc dân	GS.TS. Nguyễn Lộc PGS.TS. Nguyễn Văn Đệ TS. Nguyễn Đức Danh TS. Bùi Việt Phú TS. Vũ Đình Chuẩn TS. Hà Văn Hoàng	5
10	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới trong giáo dục và QLGD	PGS.TS. Nguyễn Bảo Hoàng Thanh GS.TS. Lê Quang Sơn PGS.TS. Nguyễn Quang Giao PGS.TS. Trần Xuân Bách TS. Lê Thanh Huy	5
11	Quản lý phát triển chương trình giáo dục	GS.TS. Nguyễn Thị Mỹ Lộc GS.TS. Nguyễn Đức Chính	5

STT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu cần nhận NCS	Họ tên, học vị, chức danh KH người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS có thể nhận
		PGS.TS. Lê Đình Sơn PGS.TS. Trần Xuân Bách	
12	Giáo dục số hóa trong nền kinh tế tri thức	PGS.TS. Nguyễn Quang Giao TS. Bùi Việt Phú PGS.TS. Trần Xuân Bách PGS.TS. Nguyễn Văn Đệ TS. Nguyễn Đức Danh	5
LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC BỒ MÔN (VẬT LÝ)			
1	Phương pháp dạy học hiện đại - Các kỹ thuật dạy học vật lý - Phát triển tư duy sáng tạo cho người học trong dạy học vật lý - Phát triển phương pháp dạy học - Đổi mới phương pháp dạy học với sự hỗ trợ của phương tiện dạy học	TS. Phùng Việt Hải GS.TS. Đỗ Hương Trà PGS.TS. Tưởng Duy Hải PGS.TS. Phạm Xuân Quế PGS.TS. Nguyễn Văn Biên	3
2	Dạy học phát triển năng lực người học - Năng lực hợp tác nhóm - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Năng lực tự học - Năng lực Vật lý - Năng lực định hướng nghề nghiệp, năng lực số, ...	GS.TS. Đỗ Hương Trà TS. Lê Thanh Huy TS. Phùng Việt Hải PGS.TS. Nguyễn Văn Biên TS. Nguyễn Thanh Nga TS. Trần Quỳnh	4
3	Dạy học tích hợp, dạy học STEM, trải nghiệm. - Tích hợp trong các môn học trong CTGDPT - Giáo dục STEM trong dạy học các môn học, cho các đối tượng học sinh đặc thù (dân tộc, vùng, miền) - Giáo dục STEM hướng phát triển các năng lực đặc thù như: năng lực tư duy thiết kế, năng lực số, năng lực sáng tạo khởi nghiệp, ... - Các hoạt động trải nghiệm với việc phát triển phẩm chất và năng lực học sinh	TS. Phùng Việt Hải TS. Nguyễn Thanh Nga PGS.TS. Nguyễn Văn Biên TS. Tưởng Duy Hải TS. Lê Thanh Huy	4

STT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu cần nhận NCS	Họ tên, học vị, chức danh KH người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS có thể nhận
4	Dạy học số - E-Learning trong dạy học vật lý ở phổ thông - B-Learning trong dạy học vật lý ở phổ thông - Thí nghiệm kết nối số - Nghiên cứu xây dựng, phát triển các học liệu số phục vụ dạy học ở các bậc học	TS. Lê Thanh Huy PGS.TS Ng Bảo Hoàng Thanh TS. Phùng Việt Hải PGS.TS. Trần Huy Hoàng PGS.TS. Trần Thị Ngọc Ánh TS. Nguyễn Anh Thuần TS. Trần Quỳnh	4
5	Kiểm tra đánh giá - Thiết kế chương trình, công cụ đánh giá năng lực học sinh. - Kiểm tra đánh giá theo năng lực người học - Bài tập vật lý phát triển năng lực học sinh	PGS.TS. Ng Bảo Hoàng Thanh PGS.TS Lê Văn Giáo PGS.TS Nguyễn Văn Biên TS. Trần Quỳnh TS. Nguyễn Thanh Hải	3
6	Bồi dưỡng học sinh giỏi vật lý phổ thông - Phát triển năng khiếu cho học sinh chuyên - chuyên đề, nội dung bồi dưỡng học sinh giỏi	PGS.TS. Nguyễn Văn Hiếu TS. Nguyễn Thanh Hải PGS.TS. Nguyễn Văn Biên	2
7	Giáo dục hướng đến mục tiêu phát triển bền vững	TS Phùng Việt Hải TS. Nguyễn Thanh Nga GS.TS. Đỗ Hương Trà PGS.TS. Tưởng Duy Hải	2
HÓA HỮU CƠ			
1	Nghiên cứu chiết tách hợp chất có hoạt tính sinh học từ nguồn nguyên liệu thực vật và động vật	GS.TS. Đào Hùng Cường PGS.TS. Giang Thị Kim Liên TS. Trần Đức Mạnh TS. Đỗ Thị Thúy Vân	2
2	Nghiên cứu phương pháp nâng cao hiệu quả chiết tách các hợp chất tinh dầu	PGS.TS. Lê Tụ Hải, GS.TS Đào Hùng Cường	2
		TS. Trần Đức Mạnh	

STT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu cần nhận NCS	Họ tên, học vị, chức danh KH người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS có thể nhận
		TS Đỗ Thị Thúy Vân	
3	Nghiên cứu chiết tách các phẩm màu có nguồn gốc thiên nhiên	GS.TS. Đào Hùng Cường PGS.TS. Giang Thị Kim Liên PGS.TS Lê Tự Hải TS Trần Đức Mạnh	2
4	Tổng hợp các hợp chất hữu cơ có giá trị đáp ứng nhu cầu của các ngành công nghiệp	GS.TS. Đào Hùng Cường TS. Nguyễn Trần Nguyên PGS.TS. Võ Thắng Nguyên TS Trần Đức Mạnh	2
5	Nghiên cứu phương pháp nâng cao hiệu suất phản ứng và độ bền cơ lý sản phẩm hữu cơ - polyme	PGS.TS. Lê Tự Hải PGS.TS. Lê Minh Đức PGS.TS. Võ Thắng Nguyên TS Trần Đức Mạnh	2
6	Nghiên cứu tổng hợp nano kim loại bằng tác nhân khử dịch chiết một số loài thực vật và ứng dụng của nó	PGS.TS. Lê Tự Hải GS.TS. Đào Hùng Cường TS Vũ Thị Duyên PGS.TS. Võ Thắng Nguyên	2
7	Nghiên cứu sử dụng các chất ức chế xanh từ nguồn thực vật trong chống ăn mòn kim loại	PGS.TS. Lê Tự Hải PGS.TS. Lê Minh Đức TS Vũ Thị Duyên PGS.TS Võ Thắng Nguyên	2
8	Tổng hợp các hợp chất hữu cơ bằng phương pháp điện hóa	PGS.TS. Lê Tự Hải PGS.TS. Lê Minh Đức PGS.TS. Võ Thắng Nguyên TS Trần Đức Mạnh	2
9	Nghiên cứu chuyển hoá các hợp chất có nguồn gốc thiên nhiên thành những sản phẩm có giá trị kinh tế cao	GS. TS. Đào Hùng Cường PGS.TS. Giang Thị Kim Liên TS. Đỗ Thị Thúy Vân	2
10	Nghiên cứu tổng hợp vật liệu cơ kim, MOF ứng dụng trong xúc tác,	PGS.TS Lê Tự Hải GS.TS Đinh Quang Khiếu	2

STT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu cần nhận NCS	Họ tên, học vị, chức danh KH người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS có thể nhận
	điện hóa hữu cơ	PGS.TS. Võ Thắng Nguyên TS Trần Đức Mạnh	
SINH HỌC			
1	Sinh học nông nghiệp	PGS.TS. Nguyễn Tấn Lê TS. Nguyễn Minh Lý TS. Trịnh Đăng Mậu TS. Đoàn Thị Vân	13
2	Sinh học môi trường	PGS.TS. Võ Văn Minh PGS.TS. Lê Phước Cường TS. Trịnh Đăng Mậu	8
3	Sinh học y dược	PGS. TS. Nguyễn Hoàng Lộc TS. Bùi Thị Thơ TS. Lê Viết Nhiệm TS. Nguyễn Công Thuỳ Trâm	5
4	Sinh thái học	PGS.TS. Nguyễn Tấn Lê PGS.TS. Võ Văn Minh TS. Hà Thăng Long PGS.TS. Nguyễn Lâm Hùng Sơn	7
5	Bảo tồn và đa dạng sinh học	PGS.TS. Võ Văn Minh TS. Trịnh Đăng Mậu TS. Hà Thăng Long PGS.TS. Phạm Hồng Thái PGS.TS. Nguyễn Lâm Hùng Sơn	4
6	Sinh học biển	TS. Trịnh Đăng Mậu PGS.TS. Võ Văn Minh PGS.TS. Võ Sĩ Tuấn GS.TS. Đoàn Như Hải	9
HỆ THỐNG THÔNG TIN			
1	Tính toán hiệu năng cao	PGS.TSKH. Trần Quốc Chiến TS. Phạm Anh Phương	3
2	Phân tích và xử lý cho các bài toán	TS. Nguyễn Trần Quốc Vinh	3

STT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu cần nhận NCS	Họ tên, học vị, chức danh KH người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS có thể nhận
	với dữ liệu lớn	TS. Nguyễn Thị Ngọc Anh	
3	Công nghệ phần mềm và các mô hình kiểm thử phần mềm	PGS.TS. Nguyễn Thanh Bình TS. Vũ Thị Trà	3
4	Xử lý ngôn ngữ tự nhiên và ứng dụng	PGS.TS. Võ Trung Hùng TS. Nguyễn Trần Quốc Vinh	3
5	Mạng và cơ sở dữ liệu phân tán	PGS.TS. Lê Văn Sơn TS. Nguyễn Hoàng Hải.	3
6	Tính toán lưới và điện toán đám mây	PGS.TS. Huỳnh Công Pháp TS. Nguyễn Đình Lầu	3
7	Hệ thống thông tin địa lý GIS	GS.TS. Nguyễn Thanh Thủy TS. Nguyễn Đình Lầu	3
8	Xử lý song song và phân tán	PGS.TS. Nguyễn Tấn Khôi TS. Nguyễn Hoàng Hải	3
9	An toàn và bảo mật thông tin	PGS.TS. Lê Mạnh Thạnh TS. Nguyễn Hoàng Hải	3
10	Công nghệ phát triển phần mềm	PGS.TS. Võ Trung Hùng TS. Vũ Thị Trà	3
11	Nhận dạng và xử lý ảnh	TS. Huỳnh Hữu Hưng TS. Nguyễn Thị Ngọc Anh	3
12	Nâng cao hiệu năng của hệ thống thông tin	GS.TS. Nguyễn Thanh Thủy TS. Nguyễn Trần Quốc Vinh	3
TOÁN HỌC			
1	Các định lý giới hạn	PGS.TS. Lê Văn Dũng	3
2	Mô hình hồi quy	PGS.TS. Lê Văn Dũng	3
3	Hệ động lực	TS. Lê Hải Trung	
4	Tối ưu, Giải tích biến phân, Bài toán cân bằng véc-tơ: lý thuyết và áp dụng	TS. Trần Văn Sự	3
5	Dưới vi phân yếu, nón pháp tuyến tăng cường và áp dụng	TS. Trần Văn Sự	3
6	Bài toán ngược trong phương trình	PGS. TS. Phạm Quý Mười	3

STT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu cần nhận NCS	Họ tên, học vị, chức danh KH người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS có thể nhận
	đạo hàm riêng		
7	Tối ưu phi tuyến và ứng dụng	PGS. TS. Phạm Quý Mười	3
8	Giải tích số và ứng dụng	PGS. TS. Phạm Quý Mười	3
9	Không gian metric suy rộng, topo đại cương	TS. Lương Quốc Tuyển	3
10	Tính chất topo trên các siêu không gian	TS. Lương Quốc Tuyển	3
ĐẠI SỐ VÀ LÝ THUYẾT SỐ			
1	Lý thuyết p-nhóm	TS. Nguyễn Ngọc Châu	2
2	Lý thuyết biểu diễn nhóm hữu hạn	TS. Nguyễn Ngọc Châu	3
3	Đại số giao hoán	PGS.TS. Nguyễn Chánh Tú TS. Trần Nam Sinh	7
4	Hình học đại số	PGS.TS. Nguyễn Chánh Tú	5
5	Vành tựa Frobenius và giả Frobenius	PGS.TS. Trương Công Quỳnh	5
6	Mô đun nội xạ và xạ ảnh	PGS.TS. Trương Công Quỳnh	5
7	Các trường hợp tổng quát của mô đun nội xạ, xạ ảnh	PGS.TS. Trương Công Quỳnh	5
8	Các trường hợp tổng quát của vành và mô đun giả nội xạ	PGS.TS. Trương Công Quỳnh	5
9	Các trường hợp tổng quát của vành và mô đun nội xạ chính	PGS.TS. Trương Công Quỳnh	5
10	Các mô đun bất biến qua các đơn cấu, tự đẳng cấu của bao nội xạ của nó	PGS.TS. Trương Công Quỳnh	5
11	Không gian các mặt bậc 3 với các điểm Eckardt và compact hóa.	PGS.TS. Nguyễn Chánh Tú	5
12	Mở rộng tương ứng giữa các đa tạp 0-chiều bậc 6 với các mặt bậc 3 kỳ dị tựa ổn định và các ứng dụng	PGS.TS. Nguyễn Chánh Tú	3
13	Một số bài toán liên quan đến đa tạp	PGS.TS. Nguyễn Chánh Tú	

STT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu cần nhận NCS	Họ tên, học vị, chức danh KH người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS có thể nhận
	tương giao đầy đủ		3
14	Một số bài toán của lược đồ chiều 0 trong không gian xạ ảnh	PGS.TS. Nguyễn Chánh Tú	3
15	Chỉ số chính quy của một đại số	TS. Trần Nam Sinh	3
16	Lược đồ nhóm	TS. Nguyễn Đại Dương	3
17	Đối ngẫu Tannaka	TS. Nguyễn Đại Dương	3
NGÔN NGỮ HỌC			
1	Việt ngữ học: - Ngữ âm và Phương ngữ tiếng Việt - Từ vựng - ngữ nghĩa - ngữ dụng - Loại hình ngôn ngữ đơn lập và tiếng Việt - Ngôn ngữ văn chương - Lịch sử phát triển tiếng Việt từ việc khảo cứu văn bản	GS.TS. Nguyễn Thiện Giáp GS.TS. Mai Ngọc Chừ GS.TS. Lê Quang Thiêm PGS.TS. Bùi Trọng Ngoãn PGS.TS. Trương Thị Nhân PGS.TS. Trần Văn Sáng	10
2	Ngôn ngữ và văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam: - Các ngôn ngữ Nam Á - Các ngôn ngữ Nam Đảo - Ngôn ngữ và văn hoá nhóm Katuic ở Việt Nam - Những vấn đề ngôn ngữ văn hoá, chính sách ngôn ngữ và giáo dục ngôn ngữ vùng dân tộc thiểu số Việt Nam.	PGS.TS. Đoàn Văn Phúc GS.TS. Mai Ngọc Chừ PGS.TS. Bùi Trọng Ngoãn PGS.TS. Trần Văn Sáng	5
3	Những vấn đề về ngôn ngữ và văn hoá: - Lý thuyết về tên riêng: Địa danh học, Nhân danh học - Những vấn đề ngôn ngữ - văn hoá học - Nhân học ngôn ngữ (Ngôn ngữ nhân học) - Vốn từ ngữ văn hóa Việt - Từ ngữ nghề nghiệp	GS. TSKH. Trần Ngọc Thêm GS.TS. Mai Ngọc Chừ GS.TS. Nguyễn Thiện Giáp PGS.TS. Lê Đức Luận PGS.TS. Trần Văn Sáng PGS.TS. Bùi Trọng Ngoãn TS. Trương Thị Nhân	10
4	Những vấn đề ngôn ngữ học xã hội:	GS.TS. Nguyễn Văn Khang	5

STT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu cần nhận NCS	Họ tên, học vị, chức danh KH người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS có thể nhận
	- Cảnh huống và chính sách ngôn ngữ - Ngôn ngữ và giới tính - Ngôn ngữ và tôn giáo - Phương ngữ thành thị - Tiếp xúc và giao thoa ngôn ngữ	GS.TS. Mai Ngọc Chừ GS.TS. Lê Quang Thiêm PGS.TS. Dương Quốc Cường PGS.TS. Nguyễn Ngọc Chính PGS.TS. Trần Văn Sáng	
5	Những vấn đề ngôn ngữ học tri nhận: - Ngôn ngữ học tri nhận với việc tiếp nhận tác phẩm văn chương. - Ngôn ngữ học tri nhận và những ứng dụng trong nghiên cứu tiếng Việt - Ngôn ngữ học tri nhận và những ứng dụng trong nghiên cứu tiếng dân tộc	GS.TS. Nguyễn Văn Hiệp GS.TS. Mai Ngọc Chừ GS.TS. Nguyễn Thiện Giáp PGS.TS. Lê Đức Luận PGS.TS. Bùi Trọng Ngoãn PGS.TS. Trần Văn Sáng	10
6	Những vấn đề về ngôn ngữ học chức năng - Ngữ pháp chức năng và những ứng dụng trong việc nghiên cứu câu tiếng Việt - Ngữ pháp chức năng và những ứng dụng trong từ loại tiếng Việt	PGS.TS. Bùi Mạnh Hùng GS.TS. Nguyễn Văn Hiệp PGS.TS. Bùi Trọng Ngoãn PGS.TS. Trần Văn Sáng	10
7	Những vấn đề về ngôn ngữ học ứng dụng - Việt ngữ học với việc nghiên cứu văn học - Vấn đề dịch thuật văn bản Anh-Việt, Việt-Anh - Giáo dục ngôn ngữ trong nhà trường - Phương pháp giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài	GS.TS. Lê Quang Thiêm GS.TS. Mai Ngọc Chừ PGS.TS. Dương Quốc Cường PGS.TS. Nguyễn Ngọc Chính GS.TS. Nguyễn Văn Hiệp PGS.TS. Lê Đức Luận PGS.TS. Bùi Trọng Ngoãn PGS.TS. Trần Văn Sáng	5
8	Những vấn đề về ngữ âm học và âm vị học - Khảo sát ngữ âm-âm vị các ngôn ngữ dân tộc vùng miền Trung và Tây Nguyên - Khảo sát đặc điểm ngữ âm của phương ngữ, thổ ngữ - Đối chiếu ngữ âm tiếng Việt với một	GS.TS. Mai Ngọc Chừ GS.TS. Lê Quang Thiêm PGS.TS. Võ Xuân Hào TS. Trương Thị Nhân PGS.TS. Trần Văn Sáng	0

STT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu cần nhận NCS	Họ tên, học vị, chức danh KH người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS có thể nhận
	ngoại ngữ, giữa ngữ âm tiếng Việt với ngôn ngữ dân tộc		
LỊCH SỬ VIỆT NAM			
1	Công cuộc chống ngoại xâm bảo vệ đất nước	PGS.TS. Lưu Trang PGS.TS. Trương Công Huỳnh Kỳ PGS.TS. Nguyễn Văn Đăng	5
2	Lãnh thổ và chủ quyền lãnh thổ Việt Nam trong lịch sử	PGS.TS. Lưu Trang PGS.TS. Nguyễn Văn Đăng TS. Nguyễn Duy Phương	5
3	Nghiên cứu về đô thị và đô thị hóa ở Việt Nam	PGS.TS. Lưu Trang PGS.TS. Trương Công Huỳnh Kỳ TS. Nguyễn Duy Phương TS. Trương Anh Thuận	3
4	Các triều đại quân chủ Việt Nam	PGS.TS. Nguyễn Văn Đăng TS. Trương Anh Thuận	3
5	Nhân vật lịch sử	PGS.TS. Ngô Văn Minh TS. Trương Anh Thuận TS. Nguyễn Minh Phương	3
6	Lịch sử kinh tế - xã hội Việt Nam	PGS.TS. Ngô Văn Hà TS. Nguyễn Duy Phương TS. Nguyễn Minh Phương	3
7	Lịch sử văn hóa Việt Nam	TS. Trần Thị Mai An TS. Nguyễn Hoàng Thân PGS.TS. Ngô Minh Oanh PGS.TS. Bùi Trọng Ngoãn	2
8	Quan hệ Việt Nam với các nước trong khu vực và trên thế giới	PGS.TS. Lưu Trang TS. Lê Thị Mai TS. Nguyễn Văn Sang	3
9	Lịch sử địa phương và lịch sử môi trường	PGS.TS. Lưu Trang TS. Trương Anh Thuận TS. Lê Thị Mai	2

STT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu cần nhận NCS	Họ tên, học vị, chức danh KH người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS có thể nhận
		TS. Nguyễn Minh Phương	
10	Tôn giáo, tín ngưỡng Việt Nam	TS. Nguyễn Duy Phương PGS.TS. Ngô Văn Hà TS. Lê Thị Thu Hiền	3
11	Các nền văn minh thời cổ đại trên đất nước Việt Nam	TS. Nguyễn Duy Phương TS. Trương Anh Thuận TS. Lê Thị Mai	2

PHỤ LỤC VII

DANH MỤC NGÀNH PHÙ HỢP VỚI NGÀNH ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN, CÁC MÔN HỌC BỔ SUNG

TT	Tiến sĩ		Ngành phù hợp trình độ đại học	Các học phần phải học bổ sung		Ngành phù hợp trình độ thạc sĩ	Các học phần phải học bổ sung	
	Ngành/chuyên ngành	Mã số		Tên học phần	TC		Tên học phần	TC
1	Quản lý giáo dục	9140114	Ngành đúng - Khoa học giáo dục: + <i>Quản lý giáo dục</i>	Không học bổ sung		Ngành đúng - Khoa học giáo dục: + <i>Quản lý giáo dục</i>	Không học bổ sung	
			Ngành gần - Khoa học giáo dục khác; - Đào tạo giáo viên; - Nhân văn: Khác + <i>Quản lý văn hóa</i> - Tâm lý học: + <i>Tâm lý học</i> - Công tác xã hội: + <i>Công tác xã hội</i> - Xã hội học và nhân học: + <i>Xã hội học</i>	Đại cương quản lý giáo dục	3	Ngành gần - Khoa học giáo dục khác; - Đào tạo giáo viên; - Nhân văn: Khác + <i>Quản lý văn hóa</i> - Tâm lý học: + <i>Tâm lý học</i> - Công tác xã hội: + <i>Công tác xã hội</i> - Xã hội học và nhân học: + <i>Xã hội học</i>	Học phần bắt buộc	
				Phát triển chương trình giáo dục	3		Lý luận quản lý và quản lý giáo dục	4
				Hệ thống GD quốc dân và bộ máy quản lý giáo dục	3		Quản trị nguồn nhân lực trong giáo dục	3
							Quản trị tài chính, CSVN và TBCN trong giáo dục	3
							Học phần tự chọn	
							<i>Xây dựng và phát triển văn hóa nhà trường</i>	2
							<i>Quản lý sự thay đổi trong giáo dục</i>	3

							<i>Quản lý chất lượng trong giáo dục</i>	2
			Ngành khác - Tất cả các ngành khác đối với ứng viên đang công tác trong ngành Giáo dục và ngành Văn hóa	Đại cương quản lý giáo dục	3	Ngành khác - Tất cả các ngành khác đối với ứng viên đang công tác trong ngành Giáo dục và ngành Văn hóa	Học phần bắt buộc	
				Phát triển chương trình giáo dục	3		Lý luận quản lý và quản lý giáo dục	4
				Hệ thống GD quốc dân và bộ máy quản lý giáo dục	3		Phương pháp luận NCKH và phương pháp nghiên cứu khoa học QLGD	4
				Tâm lý học đại cương	3		Quản trị nguồn nhân lực trong giáo dục	3
				Giáo dục học đại cương	4		Quản trị tài chính, CSVC và TBCN trong giáo dục	3
				Đại cương quản lý giáo dục	3		Chiến lược và chính sách phát triển giáo dục	3
							Học phần tự chọn	
							<i>Xây dựng và phát triển văn hóa nhà trường</i>	2
							<i>Quản lý sự thay đổi trong giáo</i>	3
2	Lý luận và Phương pháp	9140110	Ngành đúng - Đào tạo giáo viên + <i>Sư phạm Vật lý</i>	Không học bổ sung		Ngành đúng - Khoa học giáo dục: + <i>Lý luận và PPDH Bộ</i>	Không học bổ sung	

dạy học bộ môn (Vật lý)				<i>môn (Vật lý)</i>		
	Ngành gần - Khoa học vật chất: + <i>Vật lý học</i> - Đào tạo giáo viên: + <i>Sự phạm Khoa học tự nhiên;</i> + <i>Các ngành sư phạm song ngành có môn Vật lý.</i>	Lý luận và phương pháp dạy học vật lý	3	Ngành gần - Khoa học vật chất: + <i>Vật lý lý thuyết và Vật lý toán;</i> + <i>Vật lý chất rắn;</i> + <i>Quang học;</i> + <i>Vật lý nguyên tử và hạt nhân;</i> + <i>Cơ học;</i> - Khoa học giáo dục: + <i>Quản lý giáo dục;</i> + <i>Lý luận và Phương pháp dạy học.</i> Tất cả các ngành nêu trên phải có thêm bằng đại học ngành Sư phạm Vật lý	Học phần bắt buộc	
		Phát triển chương trình vật lý phổ thông	3		Lý luận dạy học hiện đại	3
		Cơ học lượng tử (nếu CTĐT đã học không có)	3		Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	3
					Chiến lược dạy học phát triển phẩm chất, năng lực người học	3
					Dạy học số	3
					Chuyên đề Đánh giá trong giáo dục môn Vật lý theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học	3
					Chuyên đề Tiếp cận năng lực trong phát triển chương trình giáo dục môn Vật lý	3
					Chuyên đề Phương pháp toán cho vật lý	3
					Chuyên đề Thiết kế và sử dụng thí nghiệm trong dạy học Vật lý ở trường phổ thông	3

						Học phần tự chọn	
						<i>Tổ chức hoạt động nhận thức trong dạy học vật lý</i>	2
						<i>Giáo dục STEM trong môn Vật lý</i>	2
						<i>Bài tập vật lý định hướng phát triển năng lực học sinh</i>	2
3	Hóa hữu cơ	9440114	Ngành đúng - Đào tạo giáo viên: + <i>Sư phạm Hóa học</i> - Khoa học vật chất: + <i>Hóa học</i> - Dược học: + <i>Hóa dược</i> - Công nghệ hóa học, vật liệu, luyện kim và môi trường: + <i>Kỹ thuật hóa học</i> - Công nghệ hóa học, vật liệu, luyện kim và môi trường: + <i>Công nghệ kỹ thuật hóa học.</i>	Không học bổ sung		Ngành đúng - Khoa học vật chất: + <i>Hóa hữu cơ</i>	Không học bổ sung
			Ngành gần			Ngành gần	Học phần bắt buộc
			Không			- Kỹ thuật hóa học, vật	Hóa vô cơ nâng cao
							2

					liệu, luyện kim và môi trường: + <i>Kỹ thuật hóa học</i> - Khoa học vật chất: + <i>Hóa vô cơ</i> + <i>Hóa phân tích</i> + <i>Hóa lý thuyết và hóa lý</i> + <i>Hóa môi trường</i>	Hóa phân tích nâng cao Hóa lý nâng cao Hóa hữu cơ nâng cao 1 Hóa hữu cơ nâng cao 2 Chuyên đề 1: Phương pháp phổ nghiệm trong hóa hữu cơ Chuyên đề 2: Tổng hợp hữu cơ Chuyên đề 3: Hóa học các hợp chất thiên nhiên Học phần tự chọn <i>Hợp chất màu và hương liệu</i> <i>Hóa hữu cơ môi trường</i> <i>Các phương pháp phân tích lý - hóa</i>	2 2 3 3 3 3 3 3 2 2
4	Sinh học	9420101	Ngành đúng - Sinh học: + <i>Sinh học</i> - Sinh học ứng dụng:	Không học bổ sung	Ngành đúng - Sinh học: + <i>Sinh học</i> + <i>Sinh thái học</i>	Không học bổ sung	

			+ Công nghệ sinh học + Sinh học ứng dụng + Kỹ thuật sinh học			+ Hoá sinh học + Di truyền học + Động vật học + Thực vật học + Vi sinh vật học + Thuỷ sinh vật học + Sinh học thực nghiệm - Sinh học ứng dụng: + Công nghệ sinh học		
			Ngành gần - Đào tạo giáo viên: + Sư phạm Sinh học + Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp - Nông nghiệp: + Chăn nuôi + Khoa học cây trồng + Bảo vệ thực vật + Khuyến nông - Lâm nghiệp: + Lâm học + Lâm sinh - Thủy sản: + Khoa học thủy sản + Bệnh học thủy sản + Nuôi trồng thủy sản - Thú y:	Sinh học đại cương	3	Ngành gần - Nông nghiệp: + Chăn nuôi + Khoa học cây trồng + Bảo vệ thực vật + Di truyền và chọn giống cây trồng + Phát triển nông thôn + Hệ thống nông nghiệp - Lâm nghiệp: + Lâm học + Lâm sinh - Thủy sản: + Bệnh học thủy sản + Nuôi trồng thủy sản - Thú y: + Thú y - Khoa học môi trường:	Cơ sở sinh học phân tử - tế bào Sinh thái học và phát triển bền vững Tổ chức và quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học	3 2 3

			+ Thú y - Quản lý tài nguyên và môi trường: + <i>Quản lý tài nguyên và môi trường</i> - Khoa học môi trường: + <i>Khoa học môi trường</i>			+ <i>Khoa học môi trường</i> - Quản lý tài nguyên và môi trường: + <i>Quản lý tài nguyên và môi trường</i> - Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông: + <i>Kỹ thuật y sinh</i> - Y học: + <i>Khoa học y sinh</i> - Các ngành khác (nếu có) do Hội đồng Khoa quyết định		
5	Hệ thống thông tin	9480104	Ngành đúng - Đào tạo giáo viên: + <i>Sư phạm Tin học</i> - Máy tính: + <i>Hệ thống thông tin</i> + <i>Khoa học máy tính</i> + <i>Kỹ thuật phần mềm</i> + <i>Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu</i> - Công nghệ thông tin: + <i>Công nghệ thông tin</i>	Không học bổ sung		Ngành đúng - Máy tính: + <i>Hệ thống thông tin</i> + <i>Khoa học máy tính</i> + <i>Kỹ thuật phần mềm</i> - Công nghệ thông tin: + <i>Công nghệ thông tin</i>	Không học bổ sung	
			Ngành gần - Máy tính: + <i>Kỹ thuật máy tính</i>	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu nâng cao	3	Ngành gần - Máy tính: + <i>Kỹ thuật máy tính</i>	Lập trình nâng cao	3
				Hệ phân tán	3		Tính toán lưới và tính toán đám mây	3

			- Toán học: + <i>Toán ứng dụng</i>	Quy hoạch tuyến tính	3	- Toán học: + <i>Toán ứng dụng</i> + <i>Cơ sở toán học cho tin học</i>	Dữ liệu lớn và ứng dụng	3
6	Toán học	9460101	Ngành đúng - Đào tạo giáo viên: + <i>Sư phạm Toán học</i> - Toán học: + <i>Toán học</i> + <i>Toán ứng dụng</i> + <i>Toán Tin</i> + <i>Khoa học dữ liệu</i>	Không học bổ sung		Ngành đúng - Toán học: + <i>Toán học</i> + <i>Toán giải tích</i> + <i>Đại số và lý thuyết số</i> + <i>Lý thuyết xác suất và thống kê toán học</i> + <i>Hình học và Tô pô</i> + <i>Khoa học tính toán</i> + <i>Toán ứng dụng</i> + <i>Toán Tin</i> + <i>Phương pháp toán sơ cấp</i> + <i>Khoa học dữ liệu</i>	Không học bổ sung	
			Ngành gần Trong từng trường hợp cụ thể, Khoa chuyên môn sẽ xem xét xác định ngành gần (<i>kèm theo danh sách các học phần phải học bổ sung kiến thức</i>) cho các đối tượng dự tuyển có bằng thạc sĩ không nằm trong danh mục trên			Ngành gần Trong từng trường hợp cụ thể, Khoa chuyên môn sẽ xem xét xác định ngành gần (<i>kèm theo danh sách các học phần phải học bổ sung kiến thức</i>) cho các đối tượng dự tuyển có bằng thạc sĩ không nằm trong danh mục trên		
7	Đại số và lý thuyết số	9460104	Ngành đúng - Đào tạo giáo viên: + <i>Sư phạm Toán học</i> - Toán học: + <i>Toán học</i>	Không học bổ sung		Ngành đúng - Toán học: + <i>Đại số và lý thuyết số</i>	Không học bổ sung	

			Ngành gần - Toán học: + <i>Toán ứng dụng</i>	Không học bổ sung		Ngành gần - Toán học: + <i>Toán Giải tích</i> + <i>Lý thuyết xác suất và thống kê toán học</i> + <i>Cơ sở toán học cho tin học</i> + <i>Toán ứng dụng</i> + <i>Phương pháp toán sơ cấp</i>	Lý thuyết vành và môđun Lý thuyết nhóm Lý thuyết nhóm hình học Đại số giao hoán Hình học đại số Đại số đồng đều Lý thuyết phạm trù và hàm tử	3 3 2 3 3 3 3
8	Ngôn ngữ học	9229020	Ngành đúng - Đào tạo giáo viên: + <i>Sư phạm Ngữ văn</i> - Nhân văn: Khác + <i>Ngôn ngữ học</i> + <i>Văn học</i> - Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài: + <i>Các ngành về ngôn ngữ (Anh, Pháp, Nga, Trung...)</i>	Không học bổ sung		Ngành đúng - Ngôn ngữ học	Không học bổ sung	
			Ngành gần - Các ngành Nhóm Báo chí và truyền thông - Khu vực học:	Ngữ âm tiếng Việt Từ vựng tiếng Việt trong hệ thống và trong hoạt động	2 2	Ngành gần - Khoa học giáo dục: + <i>Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn ngoại ngữ (tiếng Anh, Pháp, Nhật,</i>	Phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ học Những vấn đề cú pháp học và cú pháp tiếng Việt	3 3

			+ <i>Việt Nam học</i> - Nhân văn: Khác + <i>Văn hóa học</i> - Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam: + <i>Hán Nôm</i>	Ngữ pháp tiếng Việt	3	<i>Trung, Hàn...); Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Văn và tiếng Việt</i> - Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam: + <i>Ngôn ngữ Việt Nam</i> + <i>Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam</i> + <i>Hán Nôm</i> + <i>Văn học Việt Nam</i> + <i>Văn học dân gian</i> - Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài: + <i>Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu</i> + <i>Ngôn ngữ nước ngoài (Anh, Nga, Pháp, Trung Quốc...)</i> - Khu vực học: + <i>Việt Nam học (có luận văn về tiếng Việt)</i> + <i>Đông phương học (có luận văn về ngôn ngữ học)</i>	Ngữ nghĩa học tiếng Việt	3
							Chuyên đề Ký hiệu học ngôn ngữ và biểu tượng văn chương	4
							Chuyên đề Phân tích diễn ngôn văn bản nghệ thuật	4
9	Lịch sử Việt Nam	9229013	Ngành đúng - Đào tạo giáo viên: + <i>Sư phạm Lịch sử</i> - Nhân văn: Khác	Không học bổ sung		Ngành đúng - Nhân văn: Khác + <i>Lịch sử Việt Nam</i> <i>(thí sinh tốt nghiệp từ 10 năm trở lên phải học 4</i>	Lịch sử kinh tế Việt Nam	3
							Hợp tác và hội nhập quốc tế của Việt Nam từ 1975 đến nay	3

			+ <i>Lịch sử</i>			<i>trong 8 học phần như bên)</i>	Giáo dục Việt Nam trong tiến trình lịch sử dân tộc	3
							Ngoại giao Việt Nam trước năm 1975	3
							Giao lưu văn hóa Đông Tây ở Việt Nam trước năm 1945	3
							Những vấn đề về tôn giáo ở Việt Nam hiện nay	3
							Văn hóa Champa	3
							Lịch sử và văn hóa xứ Quảng	3
							Nghệ thuật quân sự trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam	3
			Ngành gần - Đào tạo giáo viên: + <i>Giáo dục chính trị</i> - Nhân văn: Khác + Văn hoá học - Khoa học chính trị: + <i>Chính trị học</i>	Lịch sử Việt Nam đại cương	2	Ngành gần - Nhân văn: Khác + <i>Lịch sử thế giới</i> + <i>Lịch sử Đảng Công sản Việt Nam</i> + <i>Khảo cổ học</i> - Khoa học chính trị: + <i>Quan hệ quốc tế</i>	Học phần bắt buộc	
				Phương pháp luận sử học	2		Những vấn đề mới về lịch sử Việt Nam	3
							Những vấn đề mới về lịch sử thế giới	3
							Phương pháp nghiên cứu khoa học Lịch sử	3

			+ <i>Quan hệ quốc tế</i> - Khu vực học: + Quốc tế học + <i>Châu Á học</i> + <i>Đông phương học</i> + <i>Đông Nam Á học</i> + <i>Việt Nam học</i> - Văn thư - Lưu trữ - Bảo tàng: + <i>Bảo tàng học</i> - Xã hội học và nhân học: + <i>Nhân học</i>		- Xã hội học và nhân học: + <i>Nhân học</i> + <i>Dân tộc học</i> - Khu vực học: + <i>Việt Nam học</i> + <i>Châu Á học</i> + <i>Đông Nam Á học</i> - Văn thư - Lưu trữ - Bảo tàng: + <i>Bảo tàng học</i>	Liêm chính học thuật trên thế giới và ở Việt Nam	3
						Chuyên đề Đô thị và đô thị hóa ở Việt Nam	3
						Chuyên đề Tổ chức nghiên cứu khoa học chuyên ngành Lịch sử Việt Nam	3
						Chuyên đề Lãnh thổ và chủ quyền lãnh thổ Việt Nam trong lịch sử	3
						Chuyên đề Đánh giá công trình khoa học Lịch sử	3
						Học phần tự chọn	
						<i>Lịch sử kinh tế Việt Nam</i>	3
						<i>Hợp tác và hội nhập quốc tế của Việt Nam từ 1975 đến nay</i>	3
						<i>Giáo dục Việt Nam trong tiến trình lịch sử dân tộc</i>	3
						<i>Ngoại giao Việt Nam trước năm 1975</i>	3

							<i>Giao lưu văn hóa Đông Tây ở Việt Nam trước năm 1945</i>	3
							<i>Những vấn đề về tôn giáo ở Việt Nam hiện nay</i>	3
							<i>Văn hóa Champa</i>	3
							<i>Lịch sử và văn hóa xứ Quảng</i>	3
							<i>Nghệ thuật quân sự trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam</i>	3

** Các trường hợp đặc biệt sẽ do Hội đồng tuyển sinh quyết định./.*